

LỜI NÓI ĐẦU

Ô châu cận lục là một cuốn sách địa chí viết về dải đất từ Quảng Bình đến Bắc Quảng Nam vào nửa đầu thế kỷ XVI, dưới thời Lê - Mạc.

Theo soạn giả Dương Văn An thì sách này xuất phát từ hai bản ghi chép về phủ Tân Bình và phủ Triệu Phong, của hai nho sinh đồng hương với soạn giả. Hai bản thảo này ghi đủ về hình thế núi sông, tên gọi sản vật, phong tục lễ thói, nhân vật của hai vùng này. Năm 1553, nhân về quê cư tang, Dương Văn An gặp được hai bản thảo này, liền khảo cứu thêm trong sử sách và tận dụng những điều mắt thấy tai nghe, chỗ rườm rà thì bỏ bớt, chỗ sơ sài thì bổ sung, đặt tên mới là **Ô châu cận lục**, cốt để dùng tham khảo cho mình.

Công trình nhuận sắc của Dương Văn An hoàn tất vào năm 1555, nhưng chưa hề được khắc in. Tuy thế sách vẫn lưu hành qua những bản chép tay.

Hơn 200 năm sau, khi viết **Phủ biên tạp lục**, Lê Quý Đôn đã tham khảo, và có nhận xét: “Tuy lời văn phần nhiều là biên ngẫu, khen chê không đúng nhưng cũng có thể bổ khuyết cho lịch sử của một địa phương”.⁽¹⁾

Phan Huy Chú khi soạn **Lịch triều hiến chương loại chí** cũng đã tham khảo. Quốc Sử quán Triều Nguyễn khi soạn **Đại Nam nhất thống chí** cũng lấy làm tài liệu quan trọng.

Thực trạng văn bản Ô châu cận lục chữ Hán

Trước năm 1970, nhà thư tịch học Trần Văn Giáp, trong khi biên soạn sách **Tìm hiểu kho sách Hán Nôm**, khảo sát ở thư viện

¹ Lê Quý Đôn (1978), *Đại Việt thông sử, Truyện ký loại*, Ngô Thế Long (dịch), NXB KHXH, HN, tr 111

KHXH, đã đọc được hai văn bản Ô châu cận lục: “Hiện nay ta còn có hai văn bản **Ô Châu Cận Lục**, nhưng đều bị biên chép sai lầm, sửa chữa tứ tung, và do đó bản chất đúng đắn của nó bị mất hẳn. Tuy vậy trong điều kiện hiếm tài liệu cổ, nó vẫn là sách có ích cho sự khảo cứu, nhất là khảo cứu về các tỉnh miền Nam”.⁽¹⁾

Thật ra, cho đến nay (2015) trên các thư viện lớn của cả nước, còn bảo lưu được 6 bản chép tay sách **Ô châu cận lục**, như sau:

1. Bản ký hiệu A. 263 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm: là bản đã được Ký lục Nguyễn Hàm Chuẩn khảo chính ngày 18-9 năm Canh Tuất, Duy Tân 4 (tức 20-10-1910).

2. Bản ký hiệu A. 96 của Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, chỉ là phần nhân vật, có nhan đề là **Ô châu nhân vật ký**.

3. Bản ký hiệu HV.192 của Thư viện Viện Sử học

4. Bản ký hiệu HV.206 của Thư viện Viện Sử học

5. Bản ký hiệu HV.183 của Thư viện Viện Sử học

6. Bản ký hiệu HNV.194 của Thư viện Trung tâm Hán Nôm, Viện khoa học xã hội (KHXH) tại thành phố (TP) Hồ Chí Minh.

Hai dịch giả Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên, khi dịch nghĩa và chú thích **Ô châu cận lục** (HN: KHXH, 1997) đã từng nghiên cứu 5 bản từ bản 1-5 trên đây, đã nhận định:

“Đáng tiếc là trong cả 5 văn bản nêu trên, không có văn bản nào còn chép được trọn vẹn tác phẩm. Qua đối chiếu so sánh, chúng tôi nhận thấy bản ký hiệu A.263 là bản còn tương đối đầy đủ hơn cả”⁽²⁾

Hai ông đã mô tả cụ thể: “Văn bản có 121 tờ, khổ 21 x 31,5 cm, nguyên là đóng gộp bởi hai tập mang ký hiệu A.263/1 (từ tờ 2 - tờ 81) và A.263/2 (từ tờ 82 trở đi), bìa đã được Viện Nghiên cứu Hán Nôm đóng lại. Đây là bản sao chép tương đối cẩn thận, chữ viết chân phương. Điểm đặc biệt của văn bản là trong đó còn lưu lại một vài

¹ Trần Văn Giáp (1984), *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm*, tập 2, tái bản lần thứ nhất, NXB Văn hóa, HN

² Sđd tr 3, 4

*thông tin về quá trình khảo chính của Trường Viễn Đông Bác Cổ mà qua đó ta có thể tìm hiểu được phần nào lai lịch văn bản. Quan trọng nhất là phần được gọi là **Ô châu cận lục khảo chính biên** của Ký lục Nguyễn Hàm Chuẩn (...). Nguyễn Hàm Chuẩn cho biết văn bản này là kết quả từ hai văn bản **Ô châu cận lục** khác nhau. Một văn bản gọi là Đại bản, được tàng trữ tại Trường Viễn Đông Bác Cổ, và một bản khác: Tiểu bản là bản do linh mục Cadière gửi tặng”⁽¹⁾*

Theo nhận xét của chúng tôi, bản số 6: ký hiệu HNV.194 của Thư viện Trung tâm Hán Nôm Viện KHXH tại TP Hồ Chí Minh chính là Đại bản mà Nguyễn Hàm Chuẩn đã dựa vào để khảo chính. Đại bản này, sau năm 1954 tàng trữ tại Thư viện Khảo cứu Viện Khảo cổ Sài Gòn, về sau chuyển đến Thư viện Trung tâm Hán Nôm, Viện KHXH tại TP Hồ Chí Minh.

Tình trạng của bản dịch

*Trước đây, **Ô châu cận lục** đã có 5 bản dịch được xuất bản:*

- Đầu tiên, năm 1961, NXB Văn hóa Á châu, Sài Gòn, công bố bản dịch của Bùi Lương. Dịch giả không nói rõ dựa theo văn bản nào, nhưng xét bản dịch, có thể thấy ông đã kết hợp cả đại bản và một phó bản sao lại từ bản khảo chính của Nguyễn Hàm Chuẩn.

Nhận xét về bản dịch này, Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên đã viết: “Trong bản dịch lần đầu tiên này, vấn đề văn bản chưa được chú ý đúng mức, mặt khác về phương diện dịch thuật có phần dễ dãi, đôi khi tỏ ra còn chưa hoàn toàn bám sát với nguyên bản”⁽²⁾

- Lần 2, hai dịch giả Trịnh Khắc Mạnh và Nguyễn Văn Nguyên đã dịch lại, có tham khảo 2 bản dịch trên, và chọn văn bản A.263⁽³⁾ làm căn cứ để dịch và công bố (NXB KHXH, HN, 1997).

Trong bản dịch này, hai dịch giả đã có phần nào khảo chính tránh được một số sai lầm của bản dịch Bùi Lương. Tuy

¹ Sđd tr 3, 4

² Sđd tr 8

³ Trong bản in ghi ký hiệu A.296, nhưng không thấy ký hiệu này trong phần mô tả văn bản. Xét ra, đây là bản mà Nguyễn Hàm Chuẩn đã khảo đính, ký hiệu A.236.

nhiên có thể không đủ điều kiện am tường tên làng xã vùng này, nên việc khảo chính còn sơ sài, do đó vẫn còn giữ nguyên những ngộ nhận, sai sót của các bản sao Ô châu cận lục bằng chữ Hán trên đây.

*- Lần 3, Bản **Ô châu cận lục - tân dịch, hiệu chú** của Trần Đại Vinh, Hoàng Văn Phúc, kết quả nhận thức được nguyên nhân chính tạo nên sai lầm trong các bản chép chữ Hán, và dẫn đến những sai lầm trong các bản dịch đã có, xuất phát từ tình trạng văn bản chữ Hán của **Ô châu cận lục**.*

Trước hết, khởi đầu từ việc sao chép văn bản chữ Hán của các đời sau. Dương Văn An quan niệm là nhuận sắc, biên tập dùng để tham khảo riêng, do đó có thể khi viết, ông đã không hoàn toàn dùng lối viết chân phương, mà pha hành thư và có thể là thảo thư. Văn bản gốc này đã được người sau sao đi chép lại nhiều lần, đã làm sai lạc một số chữ, dẫn đến hiện trạng sai lầm trong các bản lưu truyền đến ngày nay.

Thứ đến, là những sai sót của Dương Văn An và hai soạn giả đầu tiên: nhân vật, sự kiện diễn ra trên một địa bàn dài, ngày xưa không thể đến tận nơi để nghiên cứu, do đó đã lẫn lộn một số trường hợp.

Hơn nữa, sai sót còn do tinh thần, quan niệm của người xưa, việc nhuận sắc, sửa chữa, bổ sung thường diễn ra, bên cạnh cái đúng vẫn còn nhiều sai lạc.

*Do sự chưa hoàn thiện của các bản dịch trên, chúng tôi phải nỗ lực hiệu đính **Ô châu cận lục**, phục hồi một văn bản đúng nhất của Dương Văn An, và đính chính một vài nhầm lẫn của ông, trước khi bắt tay vào việc dịch nghĩa.*

*Lại nữa, một phần các tên làng trong sách **Ô châu cận lục**, trước nay đã trải qua một vài lần biến đổi, khiến cho người đọc ngày nay khó nhận biết, do đó chúng tôi lại tăng cường việc chú thích, để phát huy hiệu quả sử dụng của **Ô châu cận lục**.*

Nhìn chung, trong lần xuất bản 2001 (NXB Thuận Hóa), chúng tôi đã phát hiện và đính chính được những loại sai lầm sau:

1. Sai lầm do những nét chữ Hán có phân tương cận, nên nhầm chữ này qua chữ khác

STT	CHỮ VIẾT NHẦM	KHẢO CHÍNH
1	A Cung 阿邗	Hà Cung 河邗
2	An Bạc 安箔	An Cựu 安舊
3	An Bạch 安白	An Hướng 安向
4	An Điền 安田	An Do 安由
5	An Thái 安太	An Đại 安大
6	Bao Lương 褒梁	Bao Vinh 褒榮
7	Bao Mục 包牧	Bao Thu 包收
8	Bắc Bạ 北畔	Thủy Bạ 水畔
9	Bình Hồ 平湖	Bình Lăng 平浪
10	Bồn Chương 盆章	Kim Long 金龍
11	Chánh Đường 正棠	Cam Đường 甘棠
12	Chánh Lộ 正露	Cam Lộ 甘露
13	Dương Lữ 陽呂	Dương Phẩm 陽品
14	Đỗ Lỗ 杜魯	Phò Lỗ 扶魯
15	Đồng Dần 同寅	Đồng Di 同贛
16	Đường Phi 棠披	Đường Pha 棠坡
17	Giang Đạm 江淡	Hà Khê 河溪
18	Hoành Tấn 衡晉	Hoành Phổ 衡普
19	Hoàng Các 黃閣	Hoàng Xá 黃舍
20	Hoa Vi 華圍	Hoa Viên 華園
21	Hoàng Khê 黃溪	Hoàng Giang 黃江
22	Hoài Thôn 怀村	Hoài Tài 怀材
18	Hội Khách 會客	Hội Yên 會安

19	<i>Hương Ngao</i>	餉鰲	<i>Điếu Ngao</i>	釣鰲
20	<i>Viễn Trình</i>	遣程	<i>Viễn Trình</i>	遠程
21	<i>Khuất Bồ</i>	屈蒲	<i>Trạch Phó</i>	澤浦
22	<i>La Cẩm</i>	羅錦	<i>La Miên</i>	羅綿
23	<i>Lai Dương</i>	來陽	<i>Đông Dương</i>	東陽
24	<i>Nhạc Noa</i>	樂拏	<i>Nhạc Nô</i>	樂奴
25	<i>Lâm Da</i>	琳耶	<i>Lâm Lang</i>	琳瑯
26	<i>Lê Luật</i>	黎律	<i>Thử Luật</i>	黍律
27	<i>Mại Giản</i>	邁澗	<i>Quá Giản</i>	過澗
28	<i>Ôi Á</i>	猥阿	<i>Tô Đà</i>	蘇沱
29	<i>Quảng Đâu</i>	廣兜	<i>Quảng Lượng</i>	廣亮
30	<i>Quân Ly</i>	君喱	<i>Cư Triền</i>	居纏
31	<i>Quy Bản</i>	歸本	<i>Quy Lai</i>	歸來
32	<i>Sở Lan</i>	所蘭	<i>Tân Lan</i>	新蘭
33	<i>Sùng Hoa</i>	崇華	<i>Vinh Hoa</i>	榮華
34	<i>Tây Pha</i>	西陂	<i>Tây Thành</i>	西城
35	<i>Toàn Giao</i>	全交	<i>Kim Giao</i>	金交
35	<i>Thạch Phó</i>	石浦	<i>Thạch Bồ</i>	石蒲
36	<i>Thanh Đằng</i>	青藤	<i>Thanh Lê</i>	青蘗
37	<i>Thái Nại</i>	太耐	<i>Đại Nại</i>	大耐
38	<i>Thương Mang</i>	滄茫	<i>Hồng Khê</i>	鴻溪
39	<i>Thủy Hân</i>	水泮	<i>Thủy Bạ</i>	水畔
40	<i>Trúc Giang</i>	竹江	<i>Trúc Khê</i>	竹溪
41	<i>Tùng Khát</i>	松渴	<i>Tùng Hát</i>	松喝
42	<i>U Càn</i>	幽芹	<i>Hương Càn</i>	香芹
43	<i>Võ Khả</i>	武可	<i>Võ Xá</i>	武舍

2. Sai lầm do nghe âm sai lạc, nên viết nhầm

<i>STT</i>	<i>CHỮ SAI</i>	<i>KHẢO ĐỊNH</i>
1	Báo Đáp	報答
2	Hoành Trung	橫中
3	Lương Viễn	良遠
4	Lưu Bảo	流保
5	Phụ Việt	扶越
6	Thạch Lại	石賴

3. Sai lầm do ngộ nhận làng này sang làng lân cận, hay sang huyện khác.

Ví dụ ở mục nhân vật: Hoành Từ làng An Thơ huyện Hải Lăng, ghi nhầm là làng An Quán, huyện Hải Lăng.

- Hoàng Công Đán chép là làng Cổ Bưu huyện Lệ Thủy đúng ra phải là làng Cổ Liễu, huyện Lệ Thủy

- Nguyễn Như Chương: người làng Đường Pha (nay là Ngọc Anh, Phú Vang) lại ghi nhầm làng Lại Thế lân cận.

4. Ngộ nhận trong cách phiên âm tên làng, không phù hợp với thực tế ở các địa phương.

Hòa Quân	dân làng gọi là	Hòa Duân
Chiết Ba	-	Chiết Bi
Thạch Giản	-	Thạch Gián
Lỗ Giản	-	Lỗ Gián
Quá Giản	-	Quá Gián
Giản Đông	-	Gián Đông

5. Sót tên một số làng trong mục đồ bản, vì trong các mục khác: phong tục, nhân vật lại có ghi:

Huyện Khang Lộc: làng Tri Kiến, Động Hải, Hữu Phan

Huyện Võ Xương: làng Cung Lý, Ba Lăng

Huyện Hải Lăng: làng Trường Sanh

Huyện Kim Trà: làng Tân Quán, Xuân Dương, Kim Bông, Hải Cát.

Huyện Đan Điền: làng Thủ Lễ, Lương Cổ, Phò Nam

6. Sốt tên một số làng, hoàn toàn không đề cập trong sách, nhưng trong thực tế, các làng đó đã thành lập trước năm 1553

Ở điểm này, làng nào có tư liệu xác định rõ chúng tôi phụ chú thêm.

Ngoài ra, trong quá trình dịch, chúng tôi đã nghiên cứu sự biến đổi tên một số làng từ năm 1558 về sau, để chú thích thêm nhằm cho người đọc ngày nay nhận biết được. Phần lớn là sự biến đổi tên do lệ kiêng húy từ thời Nguyễn Hoàng, cho đến các vua triều Nguyễn. Đặc biệt một số làng biến đổi tên đến ba lần như làng Hoằng Phúc → Hồng Ân → Hồng Phước → Thanh Phước, làng Đường Pha → Đường Hoa → Đường Anh → Ngọc Anh.

- Lần 4: Bản dịch Ô châu cận lục, NXB Giáo dục, năm 2009 của Nguyễn Khắc Thuần. Bản dịch này không đóng góp gì nhiều, phần lớn theo bản dịch của Bùi Lương 1961, không làm khâu hiệu đính, chỉ chú thích một số điểm không quan trọng.

- Lần 5: Bản dịch “Ô châu cận lục” do Văn Thanh, Phan Đăng dịch và chú giải, NXB Chính trị Quốc gia Hà Nội, 2009 đã chú giải đúng khoảng 30 tên làng, nhưng lại nhầm lẫn khoảng 20 tên làng.

Điều đó, đòi hỏi chúng tôi phải nỗ lực một lần nữa để tăng cường phần chú giải, khẳng định rõ các làng không còn nữa, và chú thích hầu hết các làng cổ nay thuộc đơn vị hành chính gì. Trong quãng thời gian từ 2001 đến nay, chúng tôi đã khảo sát các địa danh làng xã, nhận thức được các sai lầm, sơ hở và thành tựu trong 5 bản dịch trên để đi tới bản sửa chữa bổ sung lần 2015 này, đánh dấu 540 năm ra đời nguyên tác Ô châu cận lục của Dương Văn An.

Tác phẩm ra mắt lần này do sự đầu tư kinh phí của Sở Khoa học - Công nghệ tỉnh Quảng Bình, để báo đáp lại tâm huyết của nhà địa chí học tiên phong của đất nước, danh nhân văn hóa Quảng Bình.

Chúng tôi trân trọng biết ơn sự giúp đỡ có hiệu quả này và chân tình gửi đến bạn đọc.

Huế, cuối đông 2015
Trần Đại Vinh